TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23-5-2018
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Thanh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Quốc Võ
2. Ông Đoàn Bửu Lộc

- Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Rine, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải tham gia phiên toà: ông Nguyễn Tuấn Sĩ, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và ngày 23 tháng 5 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2018 về "*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con"* theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2018/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Kim Thị P sinh năm 1995 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp O, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
2. Bị đơn: Ông Lê Thanh T sinh năm 1993 (có mặt)
Địa chỉ: Khóm A, Phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24-01-2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Kim Thị P trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Lê Thanh T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn ngày 02/07/2016 tại Ủy ban nhân dân phường B. Sau kết hôn vợ chồng bà sống chung gia đình chồng tại khóm A, phường B. Sau đó, vợ chồng ra cất nhà ở riêng kế bên nhà cha mẹ chồng. Thời gian đầu vợ chồng bà sống hạnh phúc. Cuộc sống hàng ngày bà buôn bán còn ông T làm thuê. Tuy nhiên đến cuối năm 2017 thì giữa bà và ông T có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T thường xuyên uống

rượu, cờ bạc. Mỗi lần uống rượu về nhà là ông T thường gây sự với bà, bắt bẽ đủ điều. Ngoài ra, mẹ chồng cũng rất khó khăn với bà nên bà thường xuyên bỏ về nhà cha mẹ nuôi của bà sống tại ấp O, xã L, huyện C. Bà và ông T ly thân từ cuối năm 2017 đến nay. Ông T có kêu bà về chung sống nhưng bà thấy không thể tiếp tục chung sống được với ông T vì không có hạnh phúc. Nay bà cương quyết yêu cầu ly hôn ông Lê Thanh T.

- Về con chung: Bà và ông Lê Thanh T có một con chung tên Lê Minh K sinh ngày 18/01/2013. Cháu K hiện đang chung sống với ông T. Bà đồng ý giao con là Lê Minh K cho ông T nuôi dưỡng. Bà đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 700.000 đồng.

- Về tài sản chung: Bà và ông T có một con bò nhưng bà đã bán cho người khác được 15 triệu đồng. Bà có đưa cho ông T hai triệu đồng, còn lại bà trả nợ và tiêu xài hết. Nay bà và ông T không còn tài sản chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hiện tại bà và ông T không có nợ chung.

Theo bản tự khai ngày 05-3-2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Kim Thị Pg tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn ngày 02/07/2016 tại Ủy ban nhân dân phường B. Thời gian đầu vợ chồng ông sống chung nhà với cha mẹ ruột của ông nhưng sau đó vợ chồng ông cất nhà ở riêng kế bên nhà cha mẹ ruột của ông. Ông thừa nhận trong thời gian chung sống giữa ông và bà P có cự cãi, lời qua tiếng lại. Mỗi lần vợ chồng cự cãi là bà P thường hay bỏ về nhà cha mẹ ở ấp O, xã L sống. Nguyên nhân vợ chồng cự cãi là do vợ ông thường hay giấu giếm ông chuyện tiền bạc. Lần cuối cùng ông và bà P cự cãi và bà P bỏ nhà đi là vào cuối năm 2017 âm lịch. Nguyên nhân là khi ông đi làm về thì ông kêu bà P cho bò ăn cỏ. Bà P nói đem bán bò cho người ta rồi. Bà P bán bò nhưng không hề bàn bạc hay cho ông biết trước. Quan điểm của ông là ông còn thương vợ con, ông mong muốn vợ chồng đoàn tụ để tiếp tục chung sống. Vì vậy, ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà P.

- Về con chung: Ông và bà P có một con chung tên Lê Minh K sinh ngày 18/01/2013. Nếu ông và bà P phải ly hôn thì ông yêu cầu được quyền nuôi con, yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 700.000 đồng.

- Về tài sản chung: Ông không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Ông và bà P không có nợ chung.

Tại phiên tòa, bà Kim Thị P và ông Lê Thanh T không tự thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, vụ án thụ lý là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật; xác định

đầy đủ và đúng tư cách những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ đầy đủ; cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử: Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử có mặt tại Tòa đúng với Quyết định đưa vụ án ra xét xử và không thuộc trường hợp phải từ chối hoặc bị thay đổi theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa diễn ra đúng các thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, đương sự có mặt chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy khả năng bà P và ông T đoàn tụ tiếp tục chung sống là rất khó thể thực hiện được. Trong thời gian ly thân, bà P và ông Tkhông hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nếu tiếp tục kéo dài cuộc sống ly thân thì bà P và ông T không hạnh phúc. Từ đó, Vị Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn ông Lê Thanh T của bà Kim Thị P.

+ Về con chung: Vị Kiểm sát viên đề nghị giao con cho là Lê Minh K, sinh ngày 18/01/2013 cho ông Lê Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng. Buộc bà P cấp dưỡng nuôi con là 700.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung: Vị kiểm sát viên đề nghị dành cho ông T khởi kiện chia tài sản chung ở vụ kiện khác.

+ Về nợ chung: bà P và ông T khai không có nên Vị kiểm sát viên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà Kim Thị P khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Lê Thanh T và yêu cầu giao con là Lê Minh K cho ông T nuôi. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Lê Thanh T có nơi cư trú tại ấp khóm A, phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Kim Thị P và ông Lê Thanh T chung sống, không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn ngày 02/07/2016 tại Ủy ban nhân dân phường B theo đúng quy định pháp luật. Vì vậy, hôn nhân của bà P và ông T là hợp pháp. Trong thời gian chung sống, giữa bà P và ông T có xảy ra mâu thuẫn là có thật. Vì bà P và ông T đều thừa nhận giữa ông bà có xảy ra mâu thuẫn trong thời gian chung sống. Tuy nhiên lý do mâu thuẫn mà bà P và ông T đưa ra có phần khác nhau. Kết quả xác minh của Tòa án cho thấy bà P và ông T chung sống như vợ chồng và có con chung nên khi về sống chung nhà với cha mẹ ông T thì giữa bà P và mẹ chồng không được thuận thảo. Bà P tự ý cất nhà ra ở riêng trong thời gian ông T đi làm xa nhà. Trong thời gian tiếp theo giữa bà P và ông T có cự cãi nhau, bà P nhiều lần bỏ về nhà cha mẹ nuôi sống ở ấp O, xã L, huyện C. Lần cuối cùng bà P và ông T xảy ra mâu thuẫn và hai người sống ly thân là vào khoảng cuối năm 2017 âm lịch. Nguyên nhân đỉnh điểm là do bà P tự ý bán con bò của bà P và ông T nhưng không bàn bạc hay cho ông T biết trước. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần hòa giải, phân tích tình lý để bà P và ông T đoàn tụ tiếp tục chung sống nhưng bà P vẫn cương quyết ly hôn ông T mặc dù ông T mong muốn bà P về chung sống với ông để nuôi dạy con chung là cháu Lê Minh K. Hội đồng xét xử thấy rằng vợ chồng muốn được hạnh phúc là phải cùng yêu thương nhau, cùng chung sống và cùng mong muốn xây đắp gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên qua các lần làm việc với bà P, ông T và hòa giải tại Tòa án, bà P một mực cương quyết yêu cầu ly hôn ông Lê Thanh T vì cho rằng không còn tình cảm với ông T. Tại phiên tòa, bà P vẫn cương quyết muốn ly hôn ông T. Hội đồng xét xử xét thấy với những mâu thuẫn xảy ra giữa bà P và ông T trong thời gian ông bà chung sống thì việc bà P và ông T sẽ tiếp tục chung sống và sống hạnh phúc là rất khó thực hiện được. Từ đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn ông Lê Thanh T của bà Kim Thị P như đề nghị của vị Kiểm sát viên.

[4] Về nuôi con chung: Bà Kim Thị P và ông Lê Thanh T khai thống nhất có con chung là cháu Lê Minh K, sinh ngày 18/01/2013. Cháu K hiện đang sống chung với ông T. Bà P đồng ý cho ông T nuôi cháu K. Ông T cũng có ý kiến được quyền yêu cầu được nuôi cháu K. Trong thời gian bà P và ông T ly thân. Ông T vẫn đảm bảo các điều kiện trong việc nuôi cháu K. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng giao cháu Lê Minh K cho ông Lê Thanh T tiếp tục trông nôm, nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà P và ông T thống nhất bà P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 700.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung: Tại phiên tòa ông T đặt ra ấn đề chia tài sản chung gồm 04 chỉ vàng 24k và 10 triệu đồng. Hội đồng xét xử xét thấy tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, ông T không có yêu cầu chia tài sản. Nên tại phiên tòa ông T không được quyền yêu cầu giải quyết chia tài sản chung. Ông T cũng chưa

cung cấp được các tài liệu, chứng cứ liên quan nên dành cho ông T quyền khởi kiện chia tài sản chung ở vụ án khác là phù hợp quy định pháp luật.

[7] Về nợ: Bà P và ông T khai thống nhất không có nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: bà Kim Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Kim Thị P. Bà Kim Thị P được ly hôn ông Lê Thanh T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Minh K, sinh ngày 18-01-2013 cho ông Lê Thanh T tiếp tục trông nôm, nuôi dưỡng và giáo dục.

Bà Kim Thị P có quyền thăm nom cháu Lê Minh K, không ai được cản trở bà P thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc bà Kim Thị P cấp dưỡng nuôi cháu Lê Minh K mỗi tháng là 700.000 đồng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi cần thiết và có yêu cầu của các bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về tài sản chung: Bà Kim Thị P không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Dành cho ông T quyền khởi kiện chia tài sản chung ở một vụ án khác theo quy định pháp luật.

5. Về nợ: Bà Kim Thị P và ông Lê Thanh T khai không có nợ ai nên không xem xét.

6. Về án phí: Buộc bà Kim Thị P phải chịu án dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng và án dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng nhưng được trừ vào

tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0013209 ngày 05-02-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải. Như vậy, bà Kim Thị P còn phải nộp án phí là 300.000 đồng. Ông Lê Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

7. Nguyên đơn bà Kim Thị P và bị đơn ông Lê Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Duyên Hải;
- Chi cục THADS TX. Duyên Hải;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Tấn Thanh